

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *ui, ưi*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *ui, ưi*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các vần *ui, ưi* (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần *ui, ưi*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *ui, ưi* có trong bài học.
- Phát triển kĩ năng nói lời *xin phép* theo tình huống được gợi ý trong tranh: xin phép bố mẹ hoặc ông bà được ra ngoài đi chơi với bạn bè (đá bóng).
- Phát triển kĩ năng quan sát và suy đoán nội dung tranh minh hoạ qua bức tranh vẽ vùng núi cao với phong cảnh và con người nơi đây.
- Cảm nhận được vẻ đẹp vùng núi cao của đất nước.

II CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm của vần *ui, ưi*; cấu tạo, và cách viết các chữ *ui, ưi*; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này như *nở rộ*: nở nhiều, cùng một lúc; *rộn rã*: âm thanh nhiều, sôi nổi, liên tiếp.
- *Nhà sàn*: Nhà của người dân tộc thiểu số sống ở vùng núi cao. Nhà có sàn cách mặt đất hoặc mặt nước, dùng để ở, thường thấy ở miền núi hoặc vùng sông nước.
- *Cây sim*: Là loài cây bụi nhỏ thường mọc ở vùng đồi núi. Hoa sim màu tím, quả sim chín màu tím đen, chứa nhiều hạt có thể ăn được.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 1****1. Khởi động**

- GV tạo tâm thế cho giờ học đầu tuần bằng trò chơi phù hợp.
- Ổn định lớp để bắt đầu bài mới.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Bà/ gửi/ cho Hà/ túi kẹo.*
- GV giới thiệu các vần mới *ui, ưi*. Viết tên bài lên bảng.

3. Đọc

a. Đọc vần

- Đọc vần *ui*
 - + Đánh vần
 - GV đánh vần mẫu *ui*.
 - Một số (5 – 6) HS nối tiếp nhau đánh vần.
 - Lớp đánh vần đồng thanh một lần.
 - + Đọc trơn vần
 - Một số (5 – 6) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần.
 - Lớp đọc trơn đồng thanh vần một lần.
 - + Ghép chữ cái tạo vần
 - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần
 - GV yêu cầu HS nêu cách ghép.
- Đọc vần *ưi*
 - Quy trình tương tự quy trình đọc vần *ui*.
- So sánh các vần
 - + GV yêu cầu HS tìm điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần *ui, ưi* trong bài.
 - + GV yêu cầu HS nêu lại các vần vừa học.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu *túi* (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *túi*.
 - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng mẫu *túi* (*tờ – ui – túi – sắc – túi*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đọc tiếng chứa vần *ui*
 - GV đưa các tiếng chứa vần thứ nhất, yêu cầu HS tìm điểm chung cùng chứa vần thứ nhất *ui*.

- Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng cùng vần.
- Đọc trơn các tiếng cùng vần.
- + Đọc tiếng chứa vần *ui*

Quy trình tương tự với quy trình đọc tiếng chứa vần *ui*.

- Đọc trơn các tiếng chứa hai vần đang học: Một số (3 – 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng lần hai nhóm vần.
- Một số (2 – 3) HS đọc tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần đang học: *bùi, sùi, cùi,...*
 - + GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
- Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *dây núi, bụi cỏ, gửi thư*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *dây núi*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *dây núi* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *ui* trong *dây núi*, phân tích và đánh vần tiếng *núi*, đọc trơn từ ngữ *dây núi*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *bụi cỏ, gửi thư*.
- HS tìm từ ngữ mới có vần *ui* hoặc *ui*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *ui, ui*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần *ui, ui*.
- HS viết vào bảng con: *ui, ui* và *núi, gửi* (chữ cỡ vừa và nhỏ).
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *ui, ui*; từ ngữ *dây núi, gửi thư*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.

6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm cả đoạn; tìm tiếng có các vần *ui, ui*.

- GV giải thích nghĩa từ ngữ (nếu cần thiết).
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *ui, ưi* trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc: *Lan gửi thư cho ai? Nơi Lan ở có gì? Mùa này, quang cảnh nơi đó như thế nào?*
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

7. Nói theo tranh

- GV hướng dẫn HS quan sát 2 bức tranh trong SHS và nói về tình huống trong tranh (*Em thấy những ai trong tranh? Muốn đi đá bóng với bạn, Nam xin phép mẹ như thế nào? Còn em, muốn đi chơi với bạn, em nói thế nào với ông/ bà, bố/ mẹ?*).
- GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức về việc xin phép người lớn khi đi đâu đó hoặc làm một việc gì đó trong những tình huống cụ thể.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ chứa vần *ui, ưi* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các vần *ui, ưi* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.